

Số: /QĐ-SYT

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 của Chính phủ Ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế Ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP, ngày 11/10/2021 của Chính phủ Ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-UBND, ngày 16/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định tạm thời các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" theo từng cấp độ dịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 3469/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc Ủy quyền cho Sở Y tế Quyết định công bố phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại cấp độ dịch COVID-19 để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Đối với cấp xã:

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 23 đơn vị;
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 39 đơn vị;
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 47 đơn vị.

2. Đối với cấp huyện, thị xã, thành phố:

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 01 đơn vị.
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 05 đơn vị.
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 05 đơn vị.

3. Đối với cấp tỉnh: Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Thời gian áp dụng từ **00 giờ, ngày 28 tháng 12 năm 2021**. Riêng đối với các đơn vị nếu chuyển từ cấp độ dịch thấp sang cấp độ dịch cao hơn thì thời gian áp dụng sau 48 giờ so với thời gian quy định tại Điều này.

Điều 3. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng căn cứ phân loại cấp độ dịch COVID-19 tại Quyết định này để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 2750/QĐ-UBND, ngày 16/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 1127/QĐ-SYT ngày 16/12/2021 của Sở Y tế về việc công bố phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh;
- TTCH PCD COVID-19 tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP; NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

BSCKII. Trần Văn Khải

PHỤ LỤC
PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT, ngày 27/12/2021 của Sở Y tế)

Stt	Đơn vị	ca mắc CD/2 tuần	Số ca mắc CD/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
I	HUYỆN CHÂU THÀNH	510	272			X
1	Xã An Hiệp	67	197			X
2	Thị trấn Châu Thành	33	186			X
3	Xã Phú Tân	21	74		X	
4	Xã An Ninh	106	395			X
5	Xã Hồ Đắc Kiên	69	277			X
6	Xã Phú Tâm	117	416			X
7	Xã Thiện Mỹ	45	373			X
8	Xã Thuận Hòa	52	348			X
II	HUYỆN CÙ LAO DUNG	161	138		X	
9	Xã An Thạnh 1	32	212			X
10	Thị trấn Cù Lao Dung	17	145		X	
11	Xã Đại Ân 1	22	135		X	
12	Xã An Thạnh 2	11	76		X	
13	Xã An Thạnh Nam	14	110		X	
14	Xã An Thạnh 3	11	54		X	
15	Xã An Thạnh Đông	34	213			X
16	Xã An Thạnh Tây	20	188			X
III	HUYỆN KẾ SÁCH	439	147		X	
17	Xã Xuân Hòa	19	47	X		
18	Thị trấn An Lạc Thôn	118	553			X
19	Xã Trinh Phú	42	184			X
20	Thị trấn Kế Sách	29	111		X	
21	Xã Thới An Hội	10	36	X		
22	Xã An Lạc Tây	43	234			X
23	Xã An Mỹ	8	36	X		
24	Xã Ba Trinh	8	33	X		
25	Xã Đại Hải	67	196			X
26	Xã Kế An	57	408			X
27	Xã Kế Thành	20	121		X	

Stt	Đơn vị	ca mắc CD/2 tuần	Số ca mắc CD/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
28	Xã Nhơn Mỹ	13	61		X	
29	Xã Phong Nẫm	5	48	X		
IV	HUYỆN LONG PHÚ	205	108		X	
30	Xã Tân Thạnh	24	146		X	
31	Xã Long Đức	19	117		X	
32	Xã Tân Hưng	13	66		X	
33	Xã Long Phú	35	142		X	
34	Xã Trường Khánh	44	173			X
35	Xã Hậu Thạnh	12	137		X	
36	Xã Châu Khánh	12	110		X	
37	Thị trấn Đại Ngãi	5	30	X		
38	Thị trấn Long Phú	27	102		X	
39	Xã Phú Hữu	11	103		X	
40	Xã Song Phụng	3	23	X		
V	HUYỆN MỸ TÚ	1029	566			X
41	Xã Thuận Hưng	393	1622			X
42	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	45	317			X
43	Xã Mỹ Thuận	62	383			X
44	Xã Mỹ Phước	79	294			X
45	Xã Long Hưng	12	59		X	
46	Xã Hưng Phú	12	63		X	
47	Xã Mỹ Hương	180	1005			X
48	Xã Mỹ Tú	33	182			X
49	Xã Phú Mỹ	213	853			X
VI	HUYỆN MỸ XUYÊN	110	36	X		
50	Xã Thạnh Quới	16	34	X		
51	Xã Đại Tâm	21	59		X	
52	Xã Tham Đôn	7	22	X		
53	Xã Thạnh Phú	26	63		X	
54	Xã Gia Hòa 2	2	14	X		
55	Thị trấn Mỹ Xuyên	26	64		X	
56	Xã Hòa Tú 2	7	34	X		
57	Xã Ngọc Đông	4	20	X		
58	Xã Ngọc Tố	0	0	X		

Stt	Đơn vị	ca mắc CD/2 tuần	Số ca mắc CD/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
59	Xã Gia Hòa 1	0	0	X		
60	Xã Hòa Tú 1	1	6	X		
VII	HUYỆN THANH TRỊ	392	265			X
61	Thị trấn Phú Lộc	76	251			X
62	Xã Tuân Tức	15	114		X	
63	Thị trấn Hưng Lợi	94	485			X
64	Xã Thanh Trị	72	437			X
65	Xã Lâm Tân	11	89		X	
66	Xã Thanh Tân	41	248			X
67	Xã Vĩnh Lợi	2	21	X		
68	Xã Châu Hưng	22	213			X
69	Xã Lâm Kiệt	52	503			X
70	Xã Vĩnh Thành	7	76		X	
VIII	HUYỆN TRẦN ĐỀ	641	284			X
71	Thị trấn Lịch Hội Thượng	127	496			X
72	Xã Tài Văn	91	359			X
73	Thị trấn Trần Đề	31	113		X	
74	Xã Thanh Thới Thuận	8	48	X		
75	Xã Liêu Tú	58	259			X
76	Xã Thanh Thới An	60	301			X
77	Xã Đại Ân 2	136	757			X
78	Xã Lịch Hội Thượng	44	319			X
79	Xã Trung Bình	32	126		X	
80	Xã Viên An	2	12	X		
81	Xã Viên Bình	52	352			X
IX	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG	232	83		X	
82	Phường 1	7	57		X	
83	Phường 2	49	90		X	
84	Phường 3	45	88		X	
85	Phường 4	27	101		X	
86	Phường 5	26	79		X	
87	Phường 6	42	167			X
88	Phường 7	8	40	X		
89	Phường 8	15	59		X	

Stt	Đơn vị	ca mắc CD/2 tuần	Số ca mắc CD/ 100.000 dân	Cấp 1 (Vùng xanh)	Cấp 2 (Vùng vàng)	Cấp 3 (Vùng cam)
90	Phường 9	8	43	X		
91	Phường 10	5	44	X		
X	THỊ XÃ NGÃ NĂM	138	93		X	
92	Phường 1	7	57		X	
93	Phường 2	4	13	X		
94	Phường 3	7	37	X		
95	Xã Mỹ Quới	28	186			X
96	Xã Vĩnh Quới	15	122		X	
97	Xã Tân Long	15	100		X	
98	Xã Long Bình	9	69		X	
99	Xã Mỹ Bình	10	70		X	
XI	THỊ XÃ VĨNH CHÂU	785	236			X
100	Xã Vĩnh Hải	23	55		X	
101	Xã Lạc Hòa	66	217			X
102	Phường 1	146	424			X
103	Phường 2	78	170			X
104	Xã Hòa Đông	69	327			X
105	Phường Khánh Hòa	57	258			X
106	Xã Vĩnh Hiệp	19	128		X	
107	Xã Lai Hòa	126	289			X
108	Phường Vĩnh Phước	115	235			X
109	Xã Vĩnh Tân	86	285			X
TOÀN TỈNH		4642	193			X
Tổng cộng	Cấp xã			23	39	47
	Cấp huyện			1	5	5
	Cấp tỉnh					1